TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2025
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung và ông Nguyễn Đức Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 606/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1990; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Tiêu Văn Ư, sinh năm 1990; HKTT: Thôn N, xã C (nay là xã C), huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tiêu Văn Ư kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã C), huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/7/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Năm 2017, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Cuối năm 2018, anh Ư đi lao động tại Nhật Bản. Từ khi đi anh Ư chưa về Việt Nam lần nào, vợ chồng chị chỉ liên lạc với nhau vài lần, chị có trao đổi về việc cấp dưỡng cho con nhưng anh Ư không chu cấp được. Năm 2020, chị cũng sang Nhật Bản làm việc nhưng vợ chồng chị không gặp gỡ, không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ư.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Tiêu Ngọc Mỹ A, sinh ngày 09/7/2017. Hiện đang ở với chị và ông bà ngoại. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Ư phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Trong thời gian ở nước ngoài, chị nhờ bố đẻ là ông Phạm Văn K chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tiêu Ngọc Mỹ A cho đến khi chị về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn K trình bày: Ông là bố đẻ của chị Phạm Thị L. Ông đồng ý nhận ủy quyền của chị L về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tiêu Ngọc Mỹ A và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Tiêu Văn Ư ở Nhật Bản nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Ư. Chị Tiêu Thị U (là chị gái của anh Ư) trình bày: Chị không biết địa chỉ cụ thể của anh Ư ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Ư vẫn thường xuyên liên lạc cho chị qua điện thoại. Chị đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Ư biết. Quan điểm của anh Ư là do vợ chồng không còn tình cảm nên chị L có đơn xin ly hôn, anh Ư đồng ý. Về con chung: Anh nhất trí giao con chung là Tiêu Ngọc Mỹ A cho chị L nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L, ông K vắng mặt, đều có quan điểm xin vắng mặt. Anh Ư vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Tiêu Văn Ư. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị L được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Tiêu Ngọc Mỹ A, sinh ngày 09/7/2017 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu Mỹ A cho ông Phạm Văn K (là ông ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Ư phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Phạm Thị L và bị đơn anh Tiêu Văn Ư hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Ư tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị L và gia đình anh Ư cung cấp địa chỉ, nhưng chị L và gia đình anh Ư không cung cấp được. Chị Tiêu Thị U là chị gái của anh Ư xác định anh Ư vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, chị L có đơn xin ly hôn, anh Ư đã biết nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị L, ông K vắng mặt, có đơn và quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Ư đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia

đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Tiêu Văn Ư kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã C), huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/7/2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L trình bày, quá trình chung sống chị và anh Ư đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị và anh Ư hiện đều đang ở Nhật Bản nhưng vợ chồng không sống cùng nhau, không liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình anh Ư có quan điểm đồng ý ly hôn chị L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh Ư đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh Ư là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị L và anh Tiêu Văn Ư có 01 con chung là Tiêu Ngọc Mỹ A, sinh ngày 09/7/2017. Hiện nay cháu Mỹ A đang ở cùng ông ngoại là Phạm Văn K. Sau khi ly hôn, chị L và anh Ư đều có quan điểm giao cháu Mỹ A cho chị L nuôi dưỡng. Trong thời gian ở nước ngoài, chị L ủy quyền cho ông Phạm Văn K (là ông ngoại) nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Mỹ A cho đến khi chị L về Việt Nam, ông K đồng ý. Xét thấy, cháu Mỹ A đang sinh sống ổn định cùng chị L và ông K, quan điểm của cháu Mỹ A là muốn được ở cùng mẹ. Anh Ư đang ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Tiêu Ngọc Mỹ A cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Trong thời gian chị L ở nước ngoài, tạm giao cháu Mỹ A cho ông Phạm Văn K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị L về Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Ư phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Tiêu Văn Ư.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Tiêu Ngọc Mỹ A, sinh ngày 09/7/2017 kể từ tháng 04/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu Mỹ A cho ông Phạm Văn K (là ông ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Ư cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) do ông Phạm Văn K nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0005315 ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cẩm Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất